TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **92/2025**/HNGĐ-ST
Ngày **09-12-2025**
Về việc"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Phạm Thị Lệ Hoa**

2. Ông **Trương Văn Sắc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang.

Ngày 09 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 320/2025/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025 về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Kim Đ** - sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: tổ 08, ấp Đ, xã T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh **Trần Quốc B** - sinh năm 1981 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 08, ấp Đ, xã T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim Đ trình bày:**

Chị Huỳnh Thị Kim Đ và anh Trần Quốc B tự tìm hiểu quen biết nhau khoảng 01 năm và đi đến chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1999, có tổ chức đám cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Lý do xin ly hôn: Quá trình chung sống thời gian đầu đôi bên sống hạnh phúc, đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị Đ cho rằng do anh B ngoại tình có quan hệ với người phụ nữ khác, từ đó bất đồng quan điểm trong với nhau trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn, dẫn đến đôi bên thường

xuyên cự cãi lớn tiếng, các bên không thể hoà giải vì gia đình không còn hạnh phúc. Thấy chung sống với anh B không hạnh phúc nên đôi bên tự ly thân với nhau từ tháng 01/2025 cho đến nay.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung:

1. Trần Phi K, sinh ngày 20/6/2000;

2. Trần Huỳnh L, sinh ngày 03/5/2002;

3. Trần Quỳnh A, sinh ngày 04/10/2011. Cháu Quỳnh A đang sống với chị Đ.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa chị Đ yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh B.

- *Về con chung:* Cháu Trần Phi K, sinh ngày 20/6/2000 và Trần Huỳnh L, sinh ngày 03/5/2002 đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết. Chị Đ yêu cầu được nuôi người con tên Trần Quỳnh A, sinh ngày 04/10/2011; chị Đ không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Đ xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

*** Theo biên bản hoà giải ngày 25/11/2025 bị đơn anh Trần Quốc B trình bày:**

Anh Bảo đồng ý với lời trình bày của chị Đang về ngày vợ chồng chung sống, không có đăng ký kết hôn, có 03 con chung, nguyên nhân mâu thuẫn, không có tài sản chung và nợ chung như chị Huỳnh Thị Kim Đ trình bày là đúng.

Về quan hệ hôn nhân: Anh B đồng ý ly hôn với chị Đ.

Về con chung: Cháu Trần Phi K, sinh ngày 20/6/2000 và Trần Huỳnh L, sinh ngày 03/5/2002 đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh B đồng ý giao cháu Trần Quỳnh A, sinh ngày 04/10/2011 cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng, anh B không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh B xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Quốc B có địa chỉ hộ khẩu thường trú tại ấp

Đông P, xã Thạnh Đ, tỉnh An Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - An Giang.

Tòa án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, anh Trần Quốc B vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt anh Trần Quốc Bảo.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Kim Đ và anh Trần Quốc B chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1999, có tổ chức đám cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân không hợp pháp.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng ...."*.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này"*.

Do chị Huỳnh Thị Kim Đ và anh Trần Quốc B có đủ điều kiện kết hôn, nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, nay chị Đ có yêu cầu ly hôn với anh B. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất không công nhận mối quan hệ giữa chị Huỳnh Thị Kim Đ và anh Trần Quốc B là vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Huỳnh Thị Kim Đ và anh Trần Quốc B xác nhận vợ chồng có 03 con chung: Trần Phi K, sinh ngày 20/6/2000, Trần Huỳnh L, sinh ngày 03/5/2002 và Trần Quỳnh A, sinh ngày 04/10/2011.

Hai cháu Trần Phi K và Trần Huỳnh L hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Huỳnh Thị Kim Đ, anh Trần Quốc B và nguyện vọng của cháu Trần Quỳnh A. Giao cho chị Huỳnh Thị Kim Đ tiếp tục nuôi người con tên Trần Quỳnh A, sinh ngày 04/10/2011, chị Đ không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản, nữ trang chung, nợ chung: Chị Đ và anh B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Huỳnh Thị Kim Đ phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Kim Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa chị Huỳnh Thị Kim Đ và anh Trần Quốc B là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Các cháu Trần Phi K, sinh ngày 20/6/2000 và Trần Huỳnh L, sinh ngày 03/5/2002 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Huỳnh Thị Kim Đ, anh Trần Quốc B và nguyện vọng của cháu Quỳnh A. Giao cho chị Huỳnh Thị Kim Đ tiếp tục nuôi người con tên Trần Quỳnh Anh, sinh ngày 04/10/2011.

Chị Huỳnh Thị Kim Đ không yêu cầu anh Trần Quốc B cấp dưỡng nuôi con.

Chị Huỳnh Thị Kim Đ cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Trần Quốc B tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Huỳnh Thị Kim Đ và anh Trần Quốc B xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Buộc chị Huỳnh Thị Kim Đ phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0006539 ngày 29/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

5. Quyền kháng cáo:

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn anh Trần Quốc B vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 3;
- Phòng THADS khu vực 3;
- TAND tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chiến